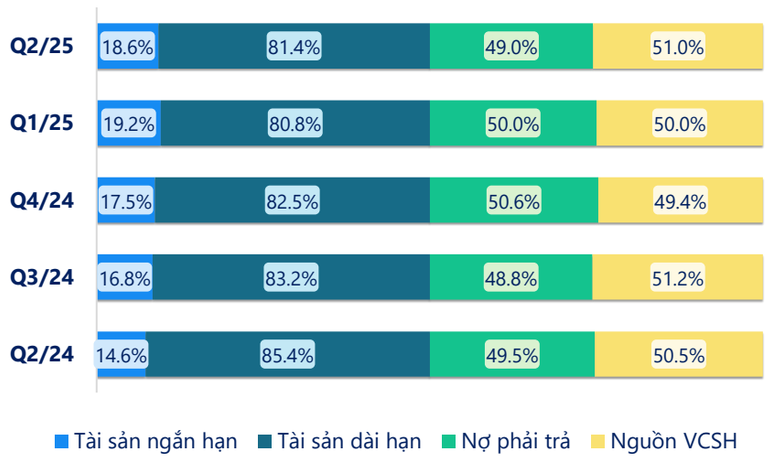
FireAnt

CTCP Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay (HSX: NVT)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	7,990
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,650
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,250
SL cổ phiếu LH	90,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,240
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	723
P/E	79.5
EPS	101

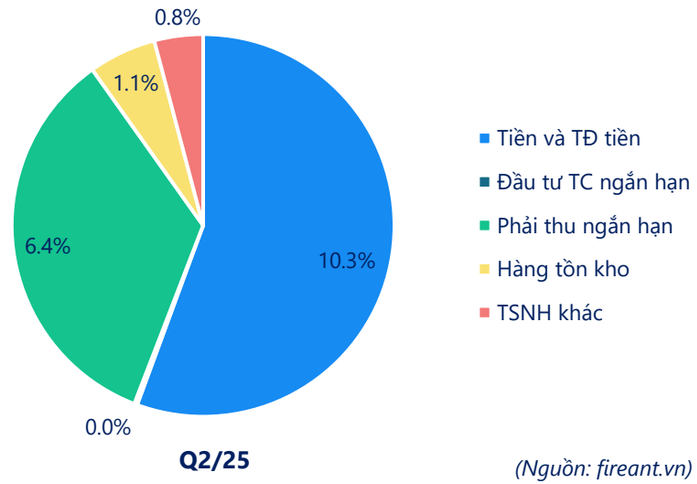
	YTD	1T	3T	6T
NVT	3.8%	-0.1%	7.1%	0.1%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



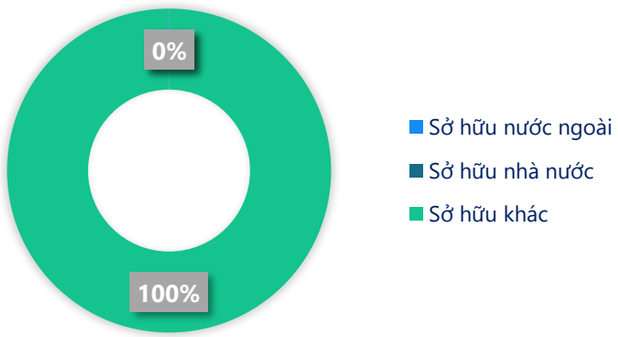
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



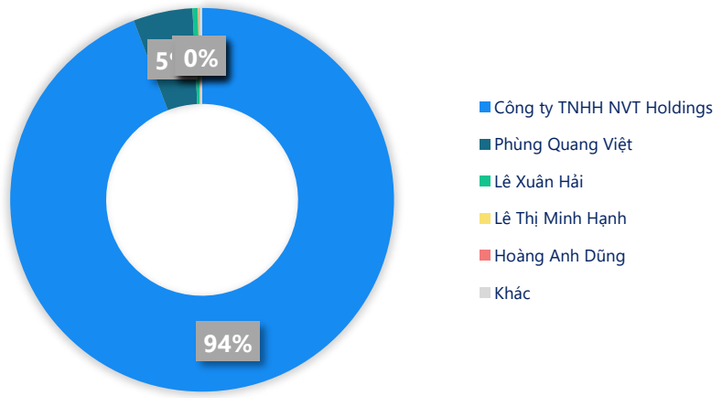
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



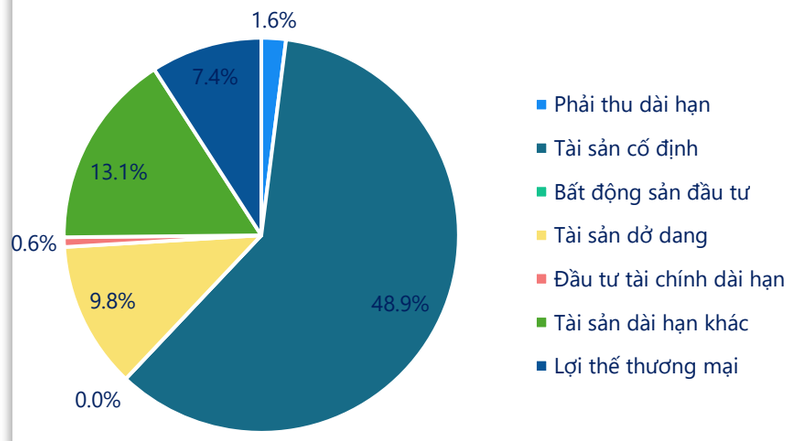
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

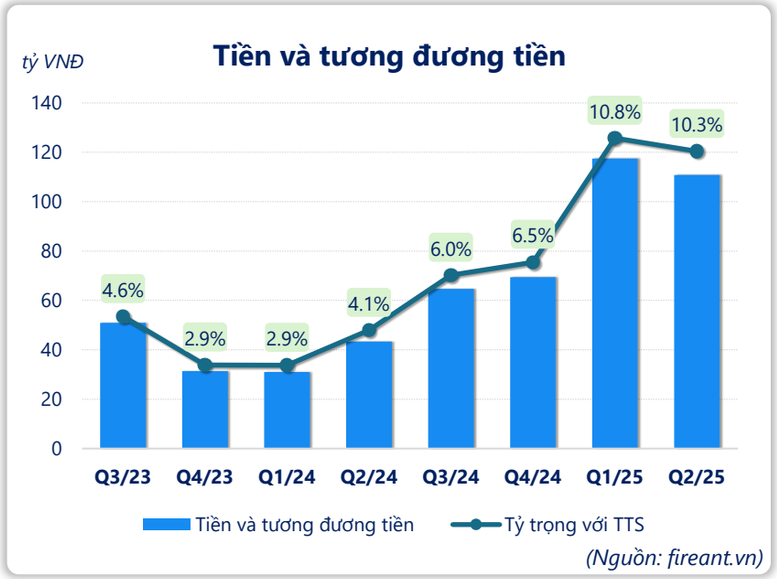
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



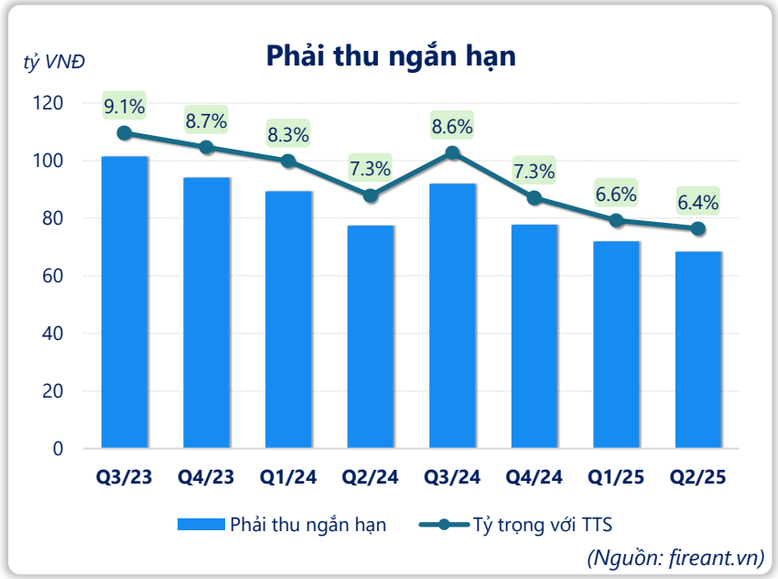
(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

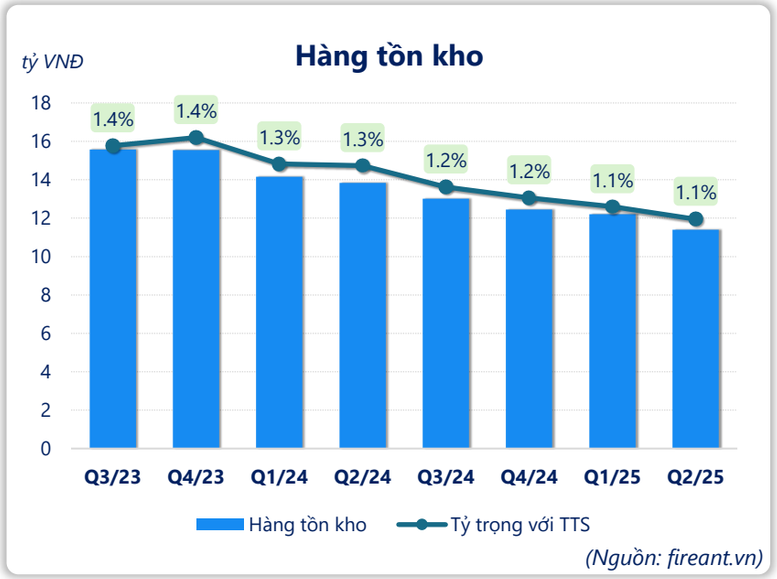
CTCP Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay (HSX: NVT)



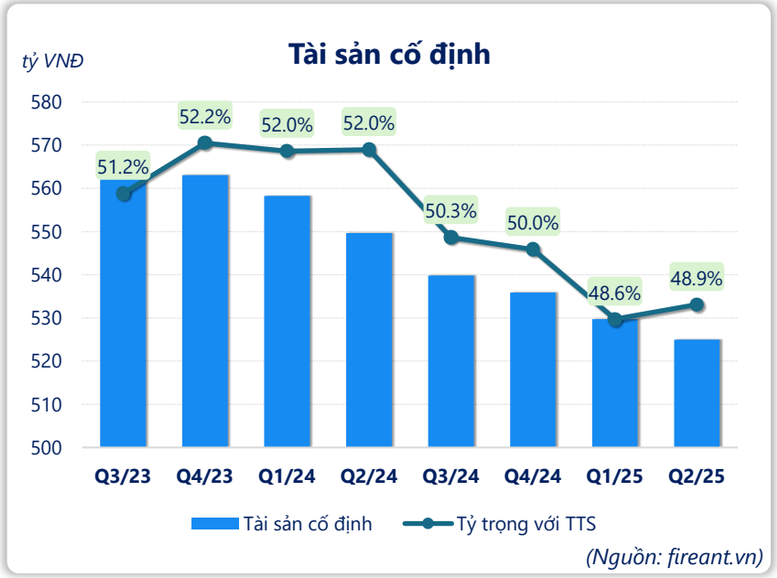
(Nguồn: fireant.vn)



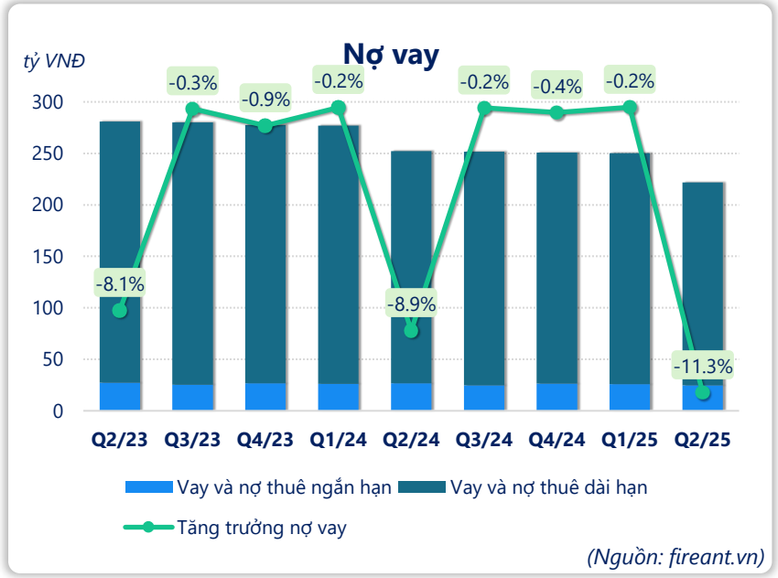
(Nguồn: fireant.vn)



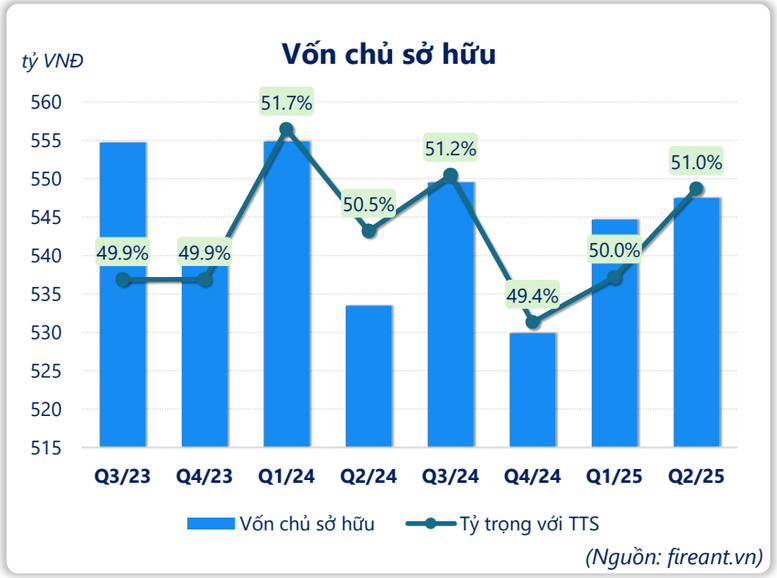
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

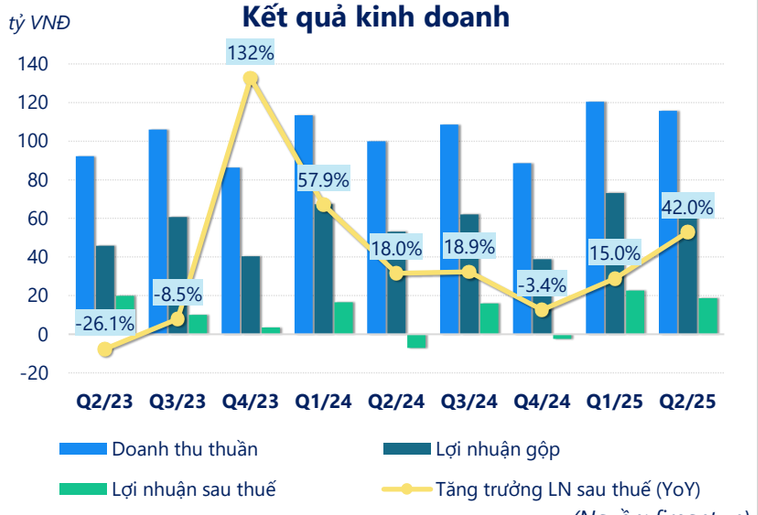


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

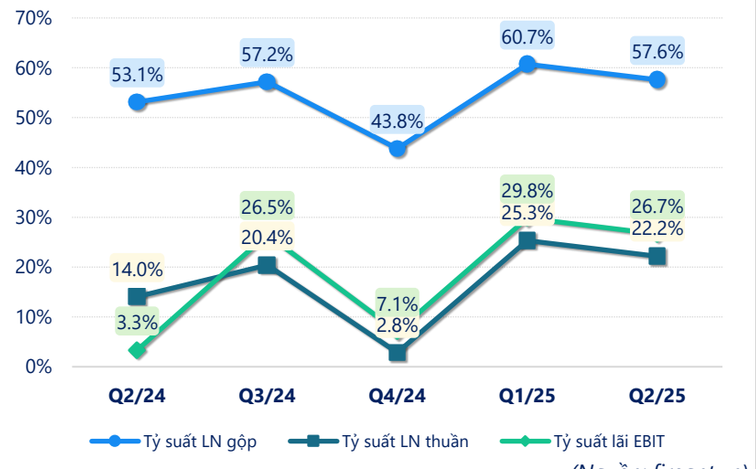
CTCP Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay (HSX: NVT)

Kết quả kinh doanh



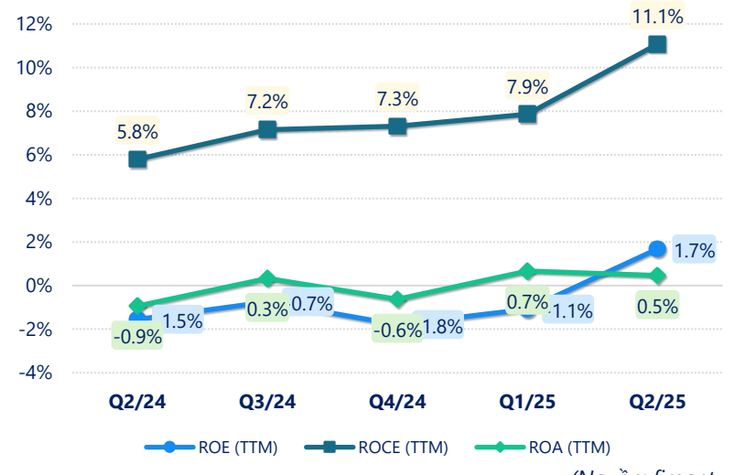
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



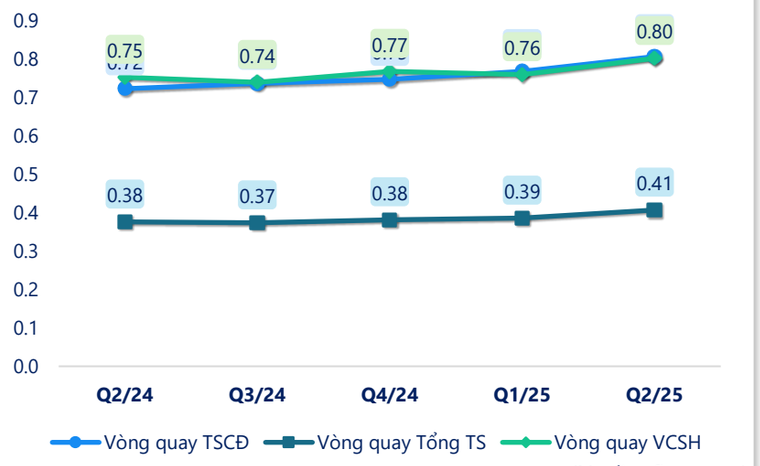
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



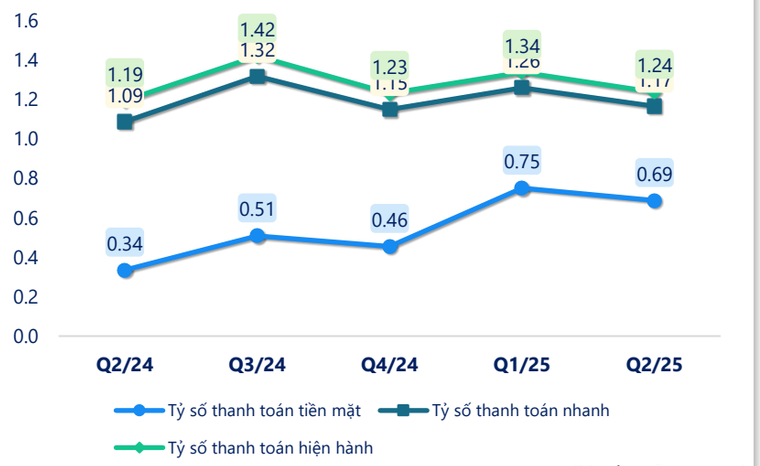
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



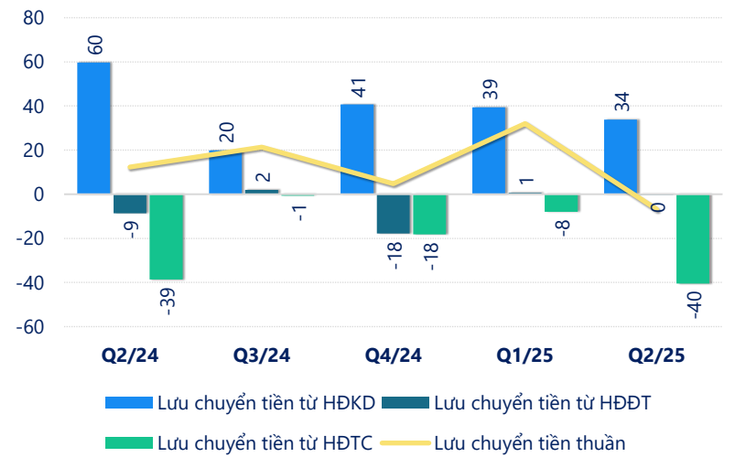
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay (HSX: NVT)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,074**	**1,072**	**0.2%**
Tài sản ngắn hạn	199	181	10.3%
Tiền và tương đương tiền	111	85.4	29.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.50	4.50	-88.8%
Phải thu ngắn hạn	68.3	70.7	-3.3%
Hàng tồn kho	11.4	12.4	-8.4%
Tài sản ngắn hạn khác	8.19	7.62	7.5%
Tài sản dài hạn	**874**	**891**	**-1.8%**
Phải thu dài hạn	17.5	17.5	0.0%
Tài sản cố định	525	536	-2.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	105	99.9	5.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	6.89	6.89	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**140**	**144**	**-2.7%**
Lợi thế thương mại	79.7	86.5	-7.8%
Nợ phải trả	526	542	-2.9%
Nợ ngắn hạn	**161**	**153**	**5.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	24.7	26.4	-6.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	55.8	45.1	23.9%
Nợ dài hạn	365	389	-6.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	197	224	-12.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**548**	**530**	**3.4%**
Vốn chủ sở hữu	**548**	**530**	**3.4%**
Vốn điều lệ	905	905	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	100.0	109	88.6	120	116
Giá vốn hàng bán	46.9	46.5	49.8	47.3	49.1
Lợi nhuận gộp	53.1	62.1	38.8	73.1	66.7
Doanh thu HĐTC	1.32	1.65	1.83	2.67	3.31
Chi phí TC	6.19	5.78	6.74	6.45	5.65
Chi phí lãi vay	5.66	6.45	5.56	5.50	5.07
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	13.4	12.7	11.6	16.1	15.3
Chi phí QLDN	20.8	23.1	19.8	22.8	23.4
LN thuần từ HĐKD	14.0	22.2	2.52	30.5	25.7
Lợi nhuận khác	-16.4	0.17	-1.79	-0.08	0.11
LN trước thuế	-2.32	22.3	0.73	30.4	25.8
Lợi nhuận sau thuế	-7.10	16.0	-2.38	22.5	18.7
LNST của CĐ cty mẹ	-10.1	3.65	-6.69	7.23	4.90

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	59.6	19.9	40.7	39.4	33.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-8.64	2.03	-17.8	0.61	-0.23
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-38.7	-0.68	-18.2	-7.96	-40.4
Tiền đầu kỳ	31.1	43.4	64.7	85.4	117
Lưu chuyển tiền thuần	**12.3**	**21.3**	**4.70**	**32.0**	**-6.82**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0.13
Tiền cuối kỳ	43.4	64.7	69.4	117	111

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic